Văn phòng UBND tỉnh
Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh
Giờ ký: 2026.07.16 15:48:57 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14/2026/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 09 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định về một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 106/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 113/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch động vật;

Thực hiện Kết luận số 382-KL/TU ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 03 tháng 7 năm 2026;

Xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 418/BC-KTNS ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định về một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên.

(Có Quy định kèm theo)

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2026 và thay thế:

a) Các nội dung: hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu, sở hữu công nghiệp (sáng chế, kiểu dáng, giải pháp hữu ích), bản quyền tác giả cho các sản phẩm OCOP tại Nghị quyết số 179/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (trước sắp xếp) quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Các nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 199/2019/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (trước sắp xếp) quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Nghị quyết số 40/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình (trước sắp xếp) về việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình (trước sắp xếp) quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thái Bình giai đoạn đến năm 2028.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, Tổ hợp tác (gọi chung là tổ chức); hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là cá nhân) tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong triển khai các chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, chính sách.

b) Đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp việc hỗ trợ với các cơ chế chính sách hỗ trợ từ các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch khác.

c) Trong cùng một thời điểm và cùng một nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau của tỉnh thì đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

d) Kinh phí hỗ trợ chỉ giải ngân sau khi các chủ thể được hỗ trợ đã hoàn thành xong nội dung công việc (trừ những nội dung giao cho cơ quan nhà nước thực hiện) và có đầy đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Giá thị trường nhận chính sách hỗ trợ là giá tại thời điểm các đối tượng thụ hưởng mua. Căn cứ tính giá được tính theo báo giá thấp nhất tại thời điểm mua của các đơn vị cung cấp.

e) Các đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện hỗ trợ, cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc phiếu thu hợp lệ khi đề nghị hỗ trợ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực trong kê khai hồ sơ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hỗ trợ phát triển trồng trọt

1. Hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp để sản xuất trồng trọt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị

a) Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân tích tụ, tập trung đất nông nghiệp để sản xuất trồng trọt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Vùng tích tụ, tập trung đất nông nghiệp phải đảm bảo liền vùng, liền thửa (có thể cách đường đi, kênh mương thủy lợi nội đồng) có quy mô diện tích từ 20 ha/vùng trở lên đối với sản xuất lúa và từ 05 ha/vùng trở lên đối với sản xuất các loại cây trồng khác;

Việc tích tụ, tập trung đất nông nghiệp để sản xuất trồng trọt phải gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ; thời gian liên kết ổn định tối thiểu là 05 năm (đối với cây trồng có chu kỳ trồng, thu hoạch từ 01 năm trở lên) hoặc tối thiểu 03 năm (đối với cây trồng có chu kỳ trồng, thu hoạch dưới 01 năm);

Vùng tích tụ, tập trung đất nông nghiệp phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, kế hoạch sản xuất trồng trọt hằng năm của tỉnh và của địa phương;

Có phương án sử dụng đất nông nghiệp và bản thỏa thuận với người sử dụng đất theo Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 3 triệu đồng/ha/năm đối với tổ chức, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất nông nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b Điều này trong 03 năm đầu sản xuất;

Hỗ trợ 6 triệu đồng/ha/năm đối với cá nhân có ruộng, đất cho tích tụ (cho mượn, cho thuê) đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b Điều này. Thời gian hỗ trợ tối đa 05 năm nhưng không quá thời gian tích tụ, tập trung đất nông nghiệp theo thỏa thuận đã ký giữa hai bên;

Hỗ trợ một lần kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân tích tụ, tập trung đất đai cho Ủy ban nhân dân xã, cơ sở thôn có diện tích đất tích tụ, tập trung trên địa bàn quản lý đáp ứng các điều kiện ở điểm b Điều này. Mức hỗ trợ đối với Ủy ban nhân dân xã là 01 triệu đồng/ha; cơ sở thôn là 01 triệu đồng/ha.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cây vụ Đông

a) Đối tượng hỗ trợ:

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất cây vụ Đông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất cây vụ Đông trên diện tích đất trồng 02 vụ lúa nằm trong vùng sản xuất tập trung;

Vùng sản xuất cây vụ Đông tập trung của địa phương phải liền vùng, liền thửa (có thể cách đường đi, kênh mương nội đồng) có quy mô từ 02 ha/vùng trở lên phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương;

Giống cây vụ Đông được hỗ trợ phải hợp pháp, có hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc, đã được công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành hoặc công nhận lưu hành đặc cách tại Việt Nam theo quy định và có trong khuyến cáo về cơ cấu giống cây trồng vụ Đông tại kế hoạch sản xuất trồng trọt hằng năm của tỉnh.

c) Nội dung, mức hỗ trợ: hỗ trợ 50% kinh phí mua giống theo giá thị trường; mức hỗ trợ tối đa 12 triệu đồng/ha.

3. Hỗ trợ thuốc trừ chuột trong chiến dịch diệt chuột tập trung toàn tỉnh bảo vệ sản xuất trồng trọt vụ Xuân

a) Đối tượng được hỗ trợ:

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ là diện tích được cơ quan có thẩm quyền công bố chính thức của năm liền kề trước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách;

Thuốc trừ chuột phải có trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép lưu hành tại Việt Nam và có trong khuyến cáo tại kế hoạch tổ chức chiến dịch diệt chuột tập trung bảo vệ sản xuất trồng trọt vụ Xuân hằng năm của tỉnh.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 100% kinh phí mua thuốc trừ chuột theo giá thị trường trên 100% diện tích đất trồng lúa (LUC) của địa phương; lượng thuốc sử dụng theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất; giá thuốc trừ chuột theo giá thị trường; mức hỗ trợ tối đa 150 nghìn đồng/ha/chiến dịch diệt chuột tập trung.

4. Hỗ trợ phát triển cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp

a) Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân đầu tư cơ giới hóa phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, gồm:

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân thực hiện đầu tư mua máy cấy, máy kéo nông nghiệp, hệ thống thiết bị sấy phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng cơ sở sản xuất mạ khay phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp.

b) Điều kiện hỗ trợ:

(1) Đối với hỗ trợ mua máy cấy, máy kéo nông nghiệp, hệ thống thiết bị sấy:

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác có trụ sở làm việc tại tỉnh Hưng Yên; hộ gia đình, cá nhân có nơi thường trú tại tỉnh Hưng Yên đầu tư mua

máy móc, thiết bị và có cam kết sử dụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong thời gian liên tục tối thiểu 36 tháng (03 năm) kể từ thời điểm đề nghị hỗ trợ;

Máy móc, thiết bị được hỗ trợ phải là máy mới và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, tính năng sử dụng theo quy định hiện hành, cụ thể: đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) theo quy định của Bộ Công thương; đối với máy móc, thiết bị sản xuất hoặc lắp ráp trong nước phải được công bố tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành.

(2) Đối với hỗ trợ phát triển cơ sở sản xuất mạ khay:

Có năng lực sản xuất tối thiểu 10.000 khay mạ/vụ; có nhà xưởng phục vụ ngâm ủ, gieo mạ với diện tích từ 150 m² trở lên; có khu vực chăm sóc mạ khay với diện tích tối thiểu 1.500 m², đáp ứng yêu cầu về thoát nước và chăm sóc mạ.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ mua máy cấy, máy kéo nông nghiệp, hệ thống thiết bị sấy: hỗ trợ một lần bằng 50% giá trị mua máy móc, thiết bị theo hóa đơn giá trị gia tăng (VAT), nhưng không quá 150 triệu đồng cho mỗi máy hoặc thiết bị;

Hỗ trợ phát triển cơ sở sản xuất mạ khay: hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn và chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất mạ khay; hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua khay gieo mạ (khay nhựa hoặc khay chuyên dụng) và chi phí lắp đặt hệ thống tưới tự động hoặc bán tự động. Hỗ trợ một lần với tổng mức kinh phí không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

Điều 5. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi

1. Hỗ trợ vắc xin, hóa chất, vật tư, công cho người tham gia phòng dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm

a) Đối tượng hỗ trợ:

Các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm (trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở chăn nuôi liên kết gia công với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Người được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phân công hoặc huy động tham gia thực hiện một hoặc nhiều hoạt động trong phòng dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, gồm: rà soát, thống kê đàn gia súc, gia cầm; tiêm phòng; phun hóa chất khử trùng, tiêu độc; các hoạt động khác phục vụ công tác phòng dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm;

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh, phù hợp với kế hoạch phát triển sản xuất chăn nuôi của địa phương và thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

(1) Ngân sách tỉnh:

Hỗ trợ 100% kinh phí mua vắc xin để phòng bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm

long móng gia súc, Dịch tả lợn, Tai xanh ở lợn, Viêm da nổi cục ở trâu, bò, Dại động vật và bệnh mới theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; hằng năm, tùy theo tình hình thực tế và đặc điểm dịch tễ bệnh động vật, cơ quan chuyên môn thú y cấp tỉnh đề xuất loại bệnh để hỗ trợ vắc xin cho phù hợp;

Hỗ trợ 100% kinh phí mua hóa chất khử trùng, tiêu độc để thực hiện các đợt phát động tháng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trên địa bàn tỉnh và để xử lý dịch bệnh động vật trên cạn;

Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện giám sát lưu hành mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và thực hiện giám sát sau tiêm phòng.

(2) Ngân sách cấp xã:

Hỗ trợ 100% kinh phí mua vật tư (tủ lạnh/tủ mát, thùng bảo quản; bơm, kim tiêm; bảo hộ lao động) phục vụ công tác phòng dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm;

Hỗ trợ công cho người tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; mức hỗ trợ theo Điều 7 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch động vật;

Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện thu gom, xử lý chất thải phát sinh do hoạt động hỗ trợ vắc xin, hóa chất.

2. Hỗ trợ xây dựng và duy trì cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

a) Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh, phù hợp với kế hoạch phát triển sản xuất chăn nuôi của địa phương, thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 100% kinh phí xét nghiệm mẫu trong thực hiện đánh giá lần đầu;

Hỗ trợ 50% kinh phí xét nghiệm mẫu trong thực hiện duy trì điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh hàng năm;

Ngoài ra, các cơ sở an toàn dịch bệnh được hưởng các cơ chế, chính sách khác có liên quan.

Điều 6. Hỗ trợ phát triển tổ chức sản xuất

1. Hỗ trợ khuyến khích phát triển sản xuất, hợp tác, liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

a) Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Có địa điểm sản xuất nằm trong vùng quy hoạch, vùng sản xuất tập trung hoặc là sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản của địa phương;

Có giấy chứng nhận hoặc cam kết đáp ứng các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

(1) Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:

Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức các hội nghị đào tạo, tập huấn, tham quan học tập, sơ kết, tổng kết phục vụ xây dựng, quản lý và phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; mức tối đa 65 triệu đồng/hội nghị.

(2) Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng:

Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; mức tối đa 15 triệu đồng/hợp đồng/năm/đơn vị;

Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm thực phẩm; mức tối đa 60 triệu đồng/hợp đồng/năm/đơn vị;

Hỗ trợ chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng hàng hóa; mức tối đa 35 triệu đồng/năm/đơn vị;

Hỗ trợ chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (HACCP, ISO, GMP, FSSC hoặc tương đương); mức tối đa 50 triệu đồng/năm/đơn vị;

Hỗ trợ tư vấn, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm phù hợp theo quy định; mức tối đa 25 triệu đồng/năm/đơn vị;

Hỗ trợ 50% kinh phí nghiên cứu thử nghiệm phát triển sản phẩm, dịch vụ mới; mức tối đa 40 triệu đồng/năm/đơn vị.

(3) Hỗ trợ tuyên truyền, giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm:

Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, hội chợ, triển lãm và các hình thức phổ biến thông tin khác; mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng /01 mô hình);

Hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; mức hỗ trợ tối đa quy định theo định mức chi cho hoạt động khuyến nông địa phương do Chính phủ quy định;

Hỗ trợ 100% chi phí bao bì, nhãn mác sản phẩm, tem nhãn nhận diện sản phẩm, xây dựng logo, nhãn hiệu, xây dựng thương hiệu sản phẩm; mức tối đa 150 triệu đồng/sản phẩm/năm/đơn vị và không quá 3 năm/đơn vị.

2. Hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác trong nông nghiệp

a) Đối tượng hỗ trợ:

Hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có địa chỉ trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Thành viên của hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

Hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp có hoạt động liên kết tiêu thụ sản phẩm cho thành viên.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ lương cho người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học làm việc tại các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; mức hỗ trợ hằng tháng bằng 02 lần mức lương tối thiểu vùng, trong thời gian 03 năm, mỗi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được hỗ trợ 01 lao động; tổng số lao động được hỗ trợ giai đoạn 2026-2030 là 15 lao động;

Hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả: tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến kinh nghiệm; tham quan, khảo sát; tư vấn, xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí nhân rộng mô hình, mức tối đa 100 triệu đồng/mô hình.

3. Hỗ trợ thực hiện phát triển sản phẩm mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

a) Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (gọi tắt là chủ thể OCOP) bao gồm: hợp tác xã; tổ hợp tác; doanh nghiệp nhỏ và vừa; trang trại, chủ hộ sản xuất, hộ gia đình có đăng ký kinh doanh. Đối với nhóm sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch bao gồm thêm: hội, hiệp hội, trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Các chủ thể OCOP trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Mỗi nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chỉ được hỗ trợ một lần.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn: Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng ấn phẩm; tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, tọa đàm, hội thi tìm hiểu về sản phẩm OCOP cho chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP được công nhận và chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP tiềm năng;

Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP: Nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói sản phẩm và kho lạnh bảo quản sản phẩm OCOP, mức tối đa 1,0 tỷ đồng/chủ thể sản xuất;

Hỗ trợ tổ chức, tham gia các sự kiện quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm OCOP; hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, xây dựng hồ sơ sản phẩm (bao gồm chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm, thuê chuyên gia tư vấn xây dựng đề án, kế hoạch, xây dựng câu chuyện sản phẩm); hỗ trợ thuê tư vấn xây dựng hồ sơ bảo vệ môi trường; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số về: xây dựng hồ sơ đánh giá phân hạng sản phẩm, thương mại điện tử, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về OCOP; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy

xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP; thuê chuyên gia thiết kế mẫu mã, bao bì sản phẩm và in ấn bao bì, tem, nhãn sản phẩm (mức hỗ trợ thực hiện theo hóa đơn thực tế và quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền); xây dựng và tư liệu hóa về câu chuyện sản phẩm OCOP; hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu, sở hữu công nghiệp (sáng chế, kiểu dáng, giải pháp hữu ích), bản quyền tác giả cho các sản phẩm OCOP. Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện, mức tối đa 150 triệu đồng/sản phẩm.

Điều 7. Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

1. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất chăn nuôi

a) Đối tượng hỗ trợ:

Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi, có quy mô từ 10 đơn vị vật nuôi trở lên trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Các tổ chức, hộ chăn nuôi thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao vào sản xuất chăn nuôi, sau khi Nghị quyết này có hiệu lực;

Có quy mô chăn nuôi từ 10 đơn vị vật nuôi trở lên;

Đáp ứng các quy định tại Điều 55 và khoản 2 Điều 57 Luật Chăn nuôi.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua sắm mới các máy móc thiết bị công nghệ chăn nuôi *(*Hệ thống cho ăn và cấp nước tự động; hệ thống quạt thông gió thông minh, dàn lạnh tự động; hệ thống sưởi sàn hồng ngoại; máy lọc không khí OZONE; hệ thống năng lượng tái tạo như hệ thống điện mặt trời cho trang trại, máy phát điện bằng khí sinh học Biogas; Robot phục vụ chăn nuôi; hệ thống phun sát trùng áp lực cao; Camera tầm nhiệt (Thermal Imaging) giám sát 24/7; cảm biến âm thanh AI (AI Audio Sensors); mức hỗ trợ tối đa 02 tỷ đồng/cơ sở.

Hỗ trợ tối đa 50% giá trị đầu tư công trình khí sinh học, các công trình xử lý nước thải sau công trình khí sinh học nhằm khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/cơ sở chăn nuôi (chăn nuôi trang trại quy mô vừa và nhỏ); 01 tỷ đồng/cơ sở chăn nuôi (chăn nuôi trang trại quy mô lớn).

Hỗ trợ sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ chăn nuôi lợn: 80 nghìn đồng/con/năm; chăn nuôi gia cầm: 8 nghìn đồng/con/năm; chăn nuôi trâu, bò: 100 nghìn đồng/con/năm.

2. Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

a) Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân sản xuất tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc tương đương. Có bản cam kết sản xuất, kinh doanh đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc tương đương.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 40% kinh phí đầu tư xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao (hệ thống nhà lưới, nhà màng, nhà kính và các công nghệ tương tự); mức tối đa 500 triệu đồng/mô hình/đơn vị;

Hỗ trợ 40% kinh phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ trong sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và muối; mức tối đa 300 triệu đồng/mô hình/đơn vị;

Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng và phát triển hệ thống thông tin điện tử (website) của tổ chức, cá nhân có sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an toàn và kết nối với cổng thông tin cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh hoặc các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước phục vụ chuyên môn; mức tối đa 30 triệu đồng/website;

Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn giải pháp chuyển đổi số đối với quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh; mức tối đa 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/tổ chức (cá nhân);

Hỗ trợ 100% kinh phí thuê, mua giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ cho các tổ chức, cá nhân và chuyển đổi mô hình kinh doanh; mức tối đa 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/tổ chức (cá nhân);

Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn chuyển giao công nghệ; mức tối đa 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/tổ chức (cá nhân).

Điều 8. Hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt

1. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi VietGAHP đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường

a) Đối tượng hỗ trợ:

Các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên được quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và quy định pháp luật khác có liên quan;

Người tham gia thực hiện công tác giám định, bình tuyển.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Đối với quy mô chăn nuôi nông hộ (chỉ áp dụng đối với chăn nuôi gà Đông Tảo, Đông Tảo lai, gà Tò, Ri lai, gà hướng trứng thương phẩm tối thiểu 1.000 con), thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi VietGAHP đảm bảo vệ sinh môi trường, đáp ứng điều kiện chăn nuôi theo Điều 56; khoản 2, Điều 57 của Luật Chăn nuôi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

Đối với chăn nuôi trang trại, đủ tiêu chuẩn chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn VietGAHP đảm bảo vệ sinh môi trường, đáp ứng điều kiện chăn nuôi theo Điều 55; khoản 2, Điều 57 của Luật Chăn nuôi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ kinh phí áp dụng các biện pháp kỹ thuật cho các trang trại, nông hộ đáp ứng yêu cầu chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn VietGAHP: hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/cơ sở kinh phí đánh giá và cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi VietGAHP, hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/cơ sở kinh phí đánh giá chứng nhận lại;

Hỗ trợ kinh phí khuyến khích các nông hộ, trang trại áp dụng hiệu quả quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn VietGAHP: lợn nái, lợn đực giống mức 500 nghìn đồng/con; lợn thịt mức 200 nghìn đồng/con; gia cầm mức 10 nghìn đồng/con; bò mức 200 nghìn đồng/con;

Hỗ trợ kinh phí thực hiện mục tiêu phát triển chăn nuôi gia cầm, lợn an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn VietGAHP; bò thịt cao sản, lợn siêu nạc: 3 triệu đồng/con nái; gà Đông Tảo: 30 nghìn đồng/con; Đông Tảo lai, gà Tò, gà Ri lai: 15 nghìn đồng/con; gà/vịt hậu bị: 50 nghìn đồng/con; bò cao sản: Bò lai sind x Brahman/Droughmaster: 3 triệu đồng/con; Bò laisind x BBB/Angus/ Charolais: 5 triệu đồng/con. Hỗ trợ công giám định, bình tuyển: 40 nghìn đồng/con bò; 20 nghìn đồng/con lợn;

Hỗ trợ máy chế biến bảo quản rơm tối đa 30 triệu đồng/máy; giống cỏ: 500 nghìn đồng/sào; máy tách phân: hỗ trợ 30% giá trị máy tách phân (tối đa 25 triệu đồng/máy); Hỗ trợ xây/lắp hầm Biogas: 4 triệu đồng/hầm; đệm lót sinh học cho gia cầm: 5 nghìn đồng/con.

2. Hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản

a) Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, sơ chế các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, sơ chế các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt - gọi chung là VietGAP;

Phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; quy hoạch phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí khi thực hiện áp dụng quy trình VietGAP;

Hỗ trợ 100% kinh phí thuê đơn vị thực hiện đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; tập huấn cho lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn; biên soạn, in ấn tài liệu, biểu mẫu phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn; mức tối đa 50 triệu đồng/tổ chức (cá nhân);

Hỗ trợ 100% kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP (lần đầu hoặc cấp lại); mức tối đa 70 triệu

đồng/tổ chức (cá nhân);

Hỗ trợ 100% kinh phí đánh giá duy trì giấy chứng nhận hằng năm; mức tối đa 25 triệu đồng/tổ chức (cá nhân).

Chương III
NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ

Điều 9. Nguồn vốn

1. Ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã) theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Phương thức hỗ trợ

1. Hỗ trợ sau đầu tư

a) Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư đối với các dự án đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này. Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi hạng mục đầu tư hoàn thành, được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu theo quy định (trừ những nội dung giao cho cơ quan nhà nước thực hiện) và được giải ngân 100% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

b) Tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ theo Nghị quyết này thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân được hỗ trợ; không hạch toán là tài sản công, trừ trường hợp tài sản được bàn giao cho cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng thì việc quản lý, sử dụng và hạch toán tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hỗ trợ liên quan đến vốn sự nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung quy định

1. Khi các văn bản pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

1. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt.

2. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này./.